

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Phạm Đức Hiếu và Vũ Quang Trọng** - Đại dịch covid-19 và chất lượng thông tin lợi nhuận kế toán của các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam. **Mã số: DB2.1BAcc.11** 3
The COVID-19 Pandemic and Earnings Information Quality of Vietnamese Listed Firms
- 2. Lê Mạnh Hùng và Vũ Thị Kim Anh** - Xây dựng bộ chỉ số đo lường hiệu suất công việc trong thực thi công vụ tại văn phòng Ủy Ban Dân tộc của Việt Nam theo mô hình thẻ điểm cân bằng. **Mã số: DB2.1BAcc.12** 16
Building the Key Performance Indicators for Measuring Work Performance in Public Service Execution at the Office of the Committee for Ethnic Minority Affairs of Vietnam Using the Balanced Scorecard Model
- 3. Phạm Đình Tuấn, Nguyễn Thành Cường và Đoàn Ngọc Phi Anh** - Ảnh hưởng của vận dụng kỹ thuật kế toán quản trị đương đại đến thành quả doanh nghiệp Việt Nam. **Mã số: DB2.1BAcc.11** 33
The Impact of Contemporary Management Accounting Practices on Firm Performance in Viet Nam Enterprises
- 4. Lại Thị Thu Thủy** - Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán ESG: nghiên cứu tại Việt Nam. **Mã số: DB2.1BAcc.11** 46
Factors Affecting ESG Audit Quality: A Study In Vietnam

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 5. Vũ Thị Thanh Huyền và Nguyễn Thị Thanh Phương** - Các yếu tố ngẫu nhiên tác động đến mức độ áp dụng kế toán quản trị chiến lược tại các doanh nghiệp khách sạn Việt Nam. **Mã số: DB2.2BAcc.21** 63
The Level of Deployment of Strategic Management Accounting in Vietnamese Hotel Enterprises: A Research on Contingency Factors
- 6. Hoàng Thị Bích Ngọc** - Nghiên cứu mức độ sẵn sàng thực hiện phân tích lợi nhuận đa chiều của các ngân hàng thương mại Việt Nam. **Mã số: DB2.2FiBa.21** 77
The Research on the Readiness to Implement Multi-Dimensional Profit Analysis of Vietnamese Commercial Banks

- 7. Bùi Thị Ngọc, Hoàng Thị Việt Hà và Nguyễn Thị Thanh** - Tác động của quản trị công ty đến chất lượng lợi nhuận: nghiên cứu tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. **Mã số: DB2.2BAcc.21** 92
The Impact of Corporate Governance on Earnings Quality: A Study of Listed Companies in the Vietnamese Stock Market
- 8. Hoàng Hà Anh** - Tác động của cấu trúc sở hữu đến quản trị lợi nhuận theo biến kế toán dồn tích: nghiên cứu các doanh nghiệp sản xuất niêm yết tại Việt Nam. **Mã số: DB2.2BAcc.21** 108
The Impact of Ownership Structure on Accrual-Based Earnings Management: The Case of Manufacturing Listed Enterprises in Vietnam
- 9. Nguyễn Quỳnh Trang** - Ảnh hưởng của sở hữu nước ngoài đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết tại Việt Nam. **Mã số: DB2.2FiBa.21** 121
Impact of Foreign Ownership on Profitability of Listed Joint Stock Commercial Banks in Vietnam
- 10. Nguyễn Thị Huyền Trang và Nguyễn Hữu Ánh** - Ảnh hưởng của đặc điểm hội đồng quản trị tới điều chỉnh lợi nhuận tại các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với vai trò điều tiết của quy mô doanh nghiệp. **Mã số: DB2.2FiBa.21** 137
The Impact of Board Characteristics on Earnings Management at Non-Financial Listed Companies in the Vietnamese Stock Market With the Moderating Role of Firm Size
- 11. Nguyễn Thị Thu Hương và Tô Thị Vân Anh** - Sử dụng kế toán quản trị môi trường hướng tới hiệu quả môi trường - nghiên cứu tại các doanh nghiệp dược phẩm Việt Nam. **Mã số: DB2.2BAcc.21** 151
Environmental Management Accounting Usage Toward Environmental Efficiency in Vietnamese Pharmaceutical Companies

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 12. Phạm Thanh Hương** - Kế toán tiền mã hóa - thực trạng và một số khuyến nghị chính sách. **Mã số: DB2.3BAcc.32** 169
Cryptocurrency Accounting Current Practices and Policy Recommendations
- 13. Nguyễn Văn Bầy, Phan Thanh Hải và Phan Huy Tâm** - Ứng dụng máy học trong giải thích các nhân tố quyết định quản lý tồn kho. **Mã số: DB2.3BAcc.32** 188
Machine Learning Approaches for Explaining Determinants of The Inventory Management

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

KẾ TOÁN TIỀN MÃ HÓA

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Phạm Thanh Hương

Trường Đại học Thương mại

Email: huong.pt@tmu.edu.vn

Ngày nhận: 20/08/2024

Ngày nhận lại: 07/10/2024

Ngày duyệt đăng: 10/10/2024

Sự phát triển nhanh chóng của tiền mã hóa trong thập kỷ qua đã dẫn đến việc ngày càng nhiều doanh nghiệp áp dụng loại hình tài sản này, không chỉ để đầu tư mà còn như một phương tiện thanh toán. Bài viết này phân tích, so sánh và đối chiếu các quy định kế toán cùng thực trạng trình bày thông tin tài chính liên quan đến tiền mã hóa tại 21 đơn vị kế toán trên thế giới. Đồng thời, bài viết cũng đề cập đến quan điểm và ý kiến trao đổi về các quy định kế toán hiện hành và thực tiễn áp dụng chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) trong việc ghi nhận, đo lường và thuyết minh các hoạt động liên quan đến tiền mã hóa. Nghiên cứu tập trung vào hai hoạt động chính: khai thác/đào tiền mã hóa và sử dụng tiền mã hóa như một phương tiện thanh toán. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt trong cách ghi nhận loại tài sản, đo lường và công bố thông tin giữa các công ty có thể dẫn đến việc cung cấp thông tin không hữu ích cho người sử dụng. Do đó, nghiên cứu kết luận rằng cần phải có các hướng dẫn kế toán cụ thể cho tiền mã hóa nhằm nâng cao tính hữu ích của thông tin tài chính và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong thị trường tài chính, trong bối cảnh hiện tại chưa có chuẩn mực kế toán cụ thể hướng dẫn về tiền mã hóa.

Từ khóa: Tài sản mã hóa, tiền mã hóa, Bitcoin, IASB, IFRS, IFRIC.

JEL Classifications: M41.

DOI: 10.54404/JTS.2024.DB2.12

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu chuyển mình mạnh mẽ về số hóa, vai trò của các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, công nghệ chuỗi khối (blockchain) ngày càng được khẳng định. Những công nghệ này không chỉ làm thay đổi cách tiếp cận đổi mới và sáng tạo mà còn mở

ra cơ hội mới cho nhiều ngành công nghiệp. Đặc biệt, tiền mã hóa (TMH) và blockchain đã tạo ra một cuộc cách mạng trong lĩnh vực tài chính và giao dịch kinh tế. Kể từ khi Bitcoin ra đời vào năm 2009, sự phát triển nhanh chóng của blockchain và TMH đã dẫn đến những thay đổi sâu rộng trong cách thức giao dịch và quản lý tài sản toàn cầu. Tiền mã

hóa, đặc biệt là Bitcoin, hiện không chỉ là công cụ đầu tư mà còn ngày càng được sử dụng như phương tiện thanh toán trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhiều doanh nghiệp, từ các sàn thương mại, nhà hàng đến các tập đoàn lớn như Microsoft, Tesla, PayPal, và Overstock, đã chấp nhận Bitcoin như một phương thức thanh toán. Sự chấp nhận này đánh dấu sự mở rộng và công nhận của Bitcoin trong giao dịch thương mại. Mặc dù Bitcoin hiện chỉ được công nhận là phương tiện thanh toán hợp pháp tại El Salvador và Cộng hòa Trung Phi, nhiều quốc gia khác như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Canada, Israel, Australia, và các nước trong Liên minh Châu Âu đang nghiên cứu và xem xét việc hợp pháp hóa TMH. Điều này tạo ra một môi trường đầy tranh luận và biến động trong thị trường tài chính toàn cầu, đồng thời mở ra cơ hội cho sự phát triển của tài sản mã hóa. Một bước ngoặt quan trọng đã diễn ra vào tháng 10 năm 2023 khi Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Mỹ (SEC) phê duyệt các quỹ giao dịch trao đổi (ETF) Bitcoin lần đầu tiên. Đây là lần đầu tiên SEC chấp thuận các ETF Bitcoin giao ngay, cho phép nhà đầu tư giao dịch Bitcoin trực tiếp trên các sàn giao dịch lớn như New York Stock Exchange và Nasdaq. Sự kiện này không chỉ gia tăng tính hợp pháp và công nhận của Bitcoin như một tài sản đầu tư chính thống mà còn mở rộng cơ hội cho các nhà đầu tư truyền thống, nâng cao thanh khoản, và cải thiện tính giám sát và minh bạch trên thị trường. Tại Việt Nam, báo cáo của Chainalysis (2024) cho thấy, trong vòng 12 tháng tính đến tháng 7 năm 2023, dòng TMH

vào Việt Nam đã đạt 130 tỷ USD, gấp bốn lần so với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong cùng kỳ (chỉ đạt 28 tỷ USD). Hiện khoảng 65% TMH tại Việt Nam đang được giao dịch trên các sàn giao dịch tập trung, và ước tính có tới 20% dân số Việt Nam sở hữu TMH, đưa Việt Nam vào nhóm dẫn đầu thế giới về số lượng tuyệt đối. Tuy nhiên, do thiếu khung pháp lý cụ thể và quy định rõ ràng về tài sản mã hóa, lĩnh vực này vẫn thuộc khu vực “kinh tế ngầm” và chưa được ghi nhận chính thức trong hệ thống tài chính.

Trong bối cảnh này, việc thiết lập các quy định cho TMH trở nên hết sức cấp thiết. Các quy định kế toán không chỉ đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ các nguyên tắc kế toán quốc tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và ngăn chặn các hành vi gian lận, trốn thuế, và rửa tiền. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TMH đang đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến việc ghi nhận, đo lường và thuyết minh các giao dịch liên quan đến TMH. Trong tương lai, sự phát triển nhanh chóng của TMH sẽ tiếp tục đặt ra nhiều thách thức và cơ hội cho ngành kế toán tài chính. Các chuẩn mực kế toán (CMKT) hiện hành, đặc biệt là IFRS, cần được điều chỉnh và bổ sung để đáp ứng các yêu cầu mới từ các giao dịch tài sản mã hóa. Điều này bao gồm việc ghi nhận, đo lường và thuyết minh các hoạt động như mua bán TMH, khai thác/đào TMH, và sử dụng TMH như phương tiện thanh toán. Sự thiếu hụt CMKT cụ thể cho TMH hiện nay đã tạo ra những lỗ hổng nghiêm trọng trong quản lý và báo cáo tài chính (BCTC). Việc thiết lập các quy định kế

toán rõ ràng và cụ thể không chỉ bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật mà còn tạo ra một môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng.

Bài viết này sẽ nghiên cứu, so sánh và đối chiếu các quy định kế toán hiện hành, đồng thời phân tích thực trạng trình bày thông tin về TMH trong BCTC của các đơn vị. Bài viết cũng sẽ thảo luận về các quan điểm và ý kiến liên quan đến quy định kế toán hiện tại và thực tiễn áp dụng IFRS trong việc ghi nhận, đo lường và thuyết minh các hoạt động liên quan đến TMH, bao gồm khai thác/đào TMH và sử dụng TMH như phương tiện thanh toán, trong bối cảnh chưa có CMKT cụ thể cho TMH.

2. Tổng quan nghiên cứu

Sự gia tăng trong việc sử dụng TMH, cùng với mức độ biến động cao của chúng, đã thu hút sự quan tâm và giám sát ngày càng tăng từ các cơ quan quản lý, tổ chức, nhà đầu tư và các bên liên quan khác. Tính đến tháng 8 năm 2024, tổng vốn hóa thị trường TMH toàn cầu đã đạt khoảng 2,1 nghìn tỷ USD. Trong số này, Bitcoin chiếm tỷ lệ lớn nhất với vốn hóa khoảng 1,2 nghìn tỷ USD, tương đương với hơn 56% của toàn bộ thị trường (CoinCodex, SlickCharts). Con số này đã vượt qua GDP của Canada năm 2023, quốc gia đứng thứ 9 về GDP toàn cầu, cho thấy rằng thị trường TMH đã đạt quy mô đủ lớn để yêu cầu sự hướng dẫn cụ thể. Vì vậy, nghiên cứu sâu về TMH trong bối cảnh hiện tại là một nhu cầu cấp bách.

Tiền mã hóa đã nổi lên như một chủ đề quan trọng trong nghiên cứu tài chính hiện

đại, với yêu cầu tìm hiểu rõ về vai trò, tác động và các thách thức liên quan. Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này. Nghiên cứu của Corbet et al. (2019) đã cung cấp cái nhìn tổng quan toàn diện về TMH từ góc độ tài chính. Các tác giả chỉ ra rằng, mặc dù thị trường TMH đã gia tăng nhanh chóng về quy mô và số lượng, vẫn còn nhiều lỗ hổng trong kiến thức hiện tại cần được lấp đầy. Các vấn đề như tính hiệu quả của thị trường, hiện tượng bong bóng giá tài sản và tác động của thông tin truyền thông cần được nghiên cứu sâu hơn. Nghiên cứu cũng nêu rõ các thách thức trong việc nghiên cứu TMH, bao gồm quản lý, tội phạm mạng và tính bền vững môi trường. Các tác giả khuyến nghị việc đa dạng hóa phương pháp nghiên cứu để cung cấp các đóng góp có ý nghĩa cho cộng đồng khoa học và các nhà hoạch định chính sách. Tương tự, nghiên cứu của Rejeb et al. (2021) chỉ ra rằng TMH mang lại nhiều lợi ích như giảm chi phí giao dịch, nâng cao hiệu quả, và tăng cường an ninh và quyền riêng tư. Tuy nhiên, các tác giả cũng cảnh báo về những thách thức trong việc tích hợp TMH vào hệ thống tài chính hiện đại, bao gồm thiếu các tiêu chuẩn quy định, nguy cơ hoạt động tội phạm và chi phí năng lượng cao. Nghiên cứu của Giudici et al. (2020) tập trung vào hiện tượng TMH như một loại tài sản tài chính kỹ thuật số, trong đó quyền sở hữu và chuyển giao được đảm bảo bởi công nghệ mã hóa phi tập trung. Các tác giả nhấn mạnh rằng nghiên cứu học thuật về TMH cần chú trọng vào các xu hướng xã hội - kinh tế, các thách thức quy định và tiềm năng của

TMH trong việc tạo điều kiện cho các hình thức giao dịch và đầu tư tài chính mới. Aiazbekov (2023) nghiên cứu vai trò của TMH như một phương thức thanh toán thay thế trong ngành du lịch và lữ hành, trong bối cảnh tiền tệ kỹ thuật số ngày càng phổ biến. Nghiên cứu phân tích các lợi ích và hạn chế của việc áp dụng TMH, tập trung vào sở thích khách hàng, an ninh và tuân thủ quy định. Kết quả cho thấy nhu cầu sử dụng TMH trong ngành này là cao, đặc biệt đối với khách hàng tìm kiếm phương thức thanh toán an toàn và tiện lợi. Tuy nhiên, các vấn đề an ninh và tuân thủ cần được giải quyết để thúc đẩy sự áp dụng. Nghiên cứu cũng cung cấp lộ trình cho việc phát triển các phương thức thanh toán TMH an toàn và dễ sử dụng, đồng thời khuyến nghị hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý. Kết quả nghiên cứu cung cấp cái nhìn về tiềm năng và cách thức áp dụng TMH như một phương tiện thanh toán hiệu quả trong ngành du lịch.

Về mặt pháp lý, nghiên cứu của Frediani (2024) phân tích các quy định pháp lý liên quan đến TMH tại các khu vực pháp lý khác nhau như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và Liên minh Châu Âu. Nghiên cứu này thảo luận về các yếu tố thúc đẩy việc cần sửa đổi, bổ sung các quy định tài chính cho TMH. Đồng thời, nghiên cứu cũng khám phá các thách thức và cơ hội mà các quy định này mang lại đối với sự ổn định tài chính và bảo vệ người tiêu dùng.

Về mặt kế toán, nghiên cứu của Jackson and Luu (2023) tập trung vào việc nghiên cứu kế toán cho tài sản kỹ thuật số, nhấn mạnh sự

cần thiết phát triển các CMKT mới hoặc điều chỉnh định nghĩa về công cụ tài chính để bao gồm TMH. Điều này nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng so sánh trong BCTC của các công ty. Nghiên cứu này chỉ ra rằng các quy định hiện hành chưa đủ đáp ứng các đặc thù của TMH và việc điều chỉnh là cấp thiết để đảm bảo tính trung thực và hợp lý trong BCTC. Raiborn and Sivitanides (2015) đã nghiên cứu về TMH, đặc biệt là Bitcoin. Các tác giả chỉ ra rằng mặc dù Bitcoin đã được nhắc đến nhiều trong các năm gần đây trên báo chí và các ấn phẩm kinh doanh, nhiều người vẫn chưa hiểu rõ về bản chất của loại TMH này hoặc cách thức hoạt động của nó. Bitcoin đã được chấp nhận như một phương tiện thanh toán tại một số công ty trên toàn cầu, nhưng vẫn chưa có hướng dẫn kế toán cụ thể cho các giao dịch liên quan đến Bitcoin. Bài viết cung cấp thông tin cơ bản về Bitcoin và đề cập đến sáu vấn đề kế toán tài chính cụ thể: phân loại tài sản, hoạt động khai thác, nắm giữ đầu tư, trao đổi, các giao dịch mua bán và sáp nhập, và công bố thông tin. Nghiên cứu của Pelucio-Grecco et al. (2020) đã xem xét các vấn đề thuế trong bối cảnh TMH. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng tính phức tạp của TMH, cùng với việc áp dụng các quy định thuế hiện hành, đã đặt ra nhiều thách thức lớn về tuân thủ. Họ cũng chỉ ra sự thiếu hụt quy định rõ ràng từ các tổ chức như IASB và từ Ủy ban CMKT Brazil, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tính tuân thủ và minh bạch trong xử lý kế toán và thuế đối với TMH. Procházka (2018) đã đưa ra các mô hình kế toán tiềm năng cho TMH theo IFRS,

nhấn mạnh rằng việc kế toán theo giá trị hợp lý có thể cung cấp thông tin hữu ích nhất cho người sử dụng BCTC khi TMH được mua vào với mục đích đầu tư. Bài viết cũng xác định những trường hợp trong đó TMH có thể được xem là tiền tệ, mặc dù chưa được công nhận chính thức như một loại tiền pháp định. Cuối cùng, nghiên cứu của Huang et al. (2023) đã xem xét tính pháp lý của TMH như một loại tài sản và tác động của nó đến kế toán và thuế. Họ khuyến nghị việc phát triển các CMKT và quy định pháp lý mới để phản ánh chính xác hơn bản chất độc đáo của TMH, đồng thời nhấn mạnh vai trò của xét đoán chuyên môn trong việc đảm bảo tính trung thực và hợp lý trong việc trình bày BCTC liên quan đến TMH.

Tại Việt Nam, sự quan tâm đối với TMH đã gia tăng, mặc dù số lượng nghiên cứu khoa học về chủ đề này còn hạn chế, đặc biệt là nghiên cứu về kế toán tài sản mã hóa. Một số nghiên cứu tại Việt Nam đã tập trung vào tiềm năng ứng dụng của TMH. Anh and Ngo (2020) đã tiến hành nghiên cứu về ứng dụng của TMH trong nền kinh tế Việt Nam và đưa ra các gợi ý chính sách. Nghiên cứu phân tích các ứng dụng của TMH, đồng thời chỉ ra các nguy cơ tiềm ẩn trong quá trình sử dụng loại tiền này. Các tác giả đã so sánh các cách tiếp cận và chính sách quản lý TMH của các quốc gia khác, từ đó đưa ra các gợi ý nhằm phát triển khung pháp lý phù hợp cho Việt Nam, theo hướng công nhận và quản lý chặt chẽ TMH.

Phuong (2020) đã tiến hành nghiên cứu chi tiết về khung pháp lý hiện hành đối với

TMH tại Việt Nam, so sánh với các quốc gia khác trong khu vực. Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết xây dựng một khung pháp lý rõ ràng và cụ thể hơn để quản lý thị trường TMH, nhằm bảo vệ nhà đầu tư và đảm bảo tính minh bạch của thị trường tài chính. Đặc biệt, nghiên cứu cũng khuyến nghị việc thiết lập các quy định về quản lý rủi ro và thuế đối với các giao dịch TMH. Về mặt xã hội, tác động kinh tế và xã hội của TMH cũng đã được nghiên cứu tại Việt Nam. Trí (2022) đã tiến hành khảo sát về nhận thức của người tiêu dùng Việt Nam, đặc biệt là thế hệ Gen Z về TMH. Nghiên cứu cho thấy rằng, mặc dù một số người tiêu dùng, đặc biệt là giới trẻ và những người có hiểu biết về công nghệ, đã bắt đầu chấp nhận và sử dụng TMH, phần lớn người dân vẫn còn e ngại và thiếu thông tin về loại tài sản này. Điều này đặt ra yêu cầu cần thiết về việc triển khai các chiến dịch giáo dục và truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về TMH.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã thực hiện các bước đi chính thức trong việc quản lý TMH. Từ thông cáo báo chí đầu tiên vào ngày 27/02/2014, NHNN đã khẳng định rằng Bitcoin và các loại tiền ảo khác không được coi là tiền tệ và không được pháp luật công nhận là phương tiện thanh toán hợp pháp tại Việt Nam. Sau đó, NHNN đã ban hành một loạt các văn bản nhằm thắt chặt kiểm soát các hoạt động liên quan đến TMH, bao gồm Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 13/4/2018, yêu cầu các tổ chức tín dụng và đơn vị liên quan tăng cường kiểm soát các giao dịch liên quan đến tiền ảo. Tuy nhiên,

vào năm 2017, theo Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, đã phê duyệt đề án hoàn thiện khung pháp lý để quản lý và xử lý tài sản ảo, TMH và tiền ảo, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu và ban hành các quy định pháp luật liên quan trong tương lai. Hơn nữa, vào ngày 16/12/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2117/QĐ-TTg, chỉ định danh sách các công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trong bối cảnh Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, trong đó có blockchain. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 cũng được ban hành nhằm xây dựng chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, với tầm nhìn đến năm 2030, tập trung vào việc nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm sử dụng TMH dựa trên công nghệ Blockchain.

Câu hỏi nghiên cứu

Hiện nay, có rất ít hướng dẫn và quy định hướng dẫn TMH theo IFRS. Sự thiếu rõ ràng trong các hướng dẫn đã dẫn đến việc áp dụng nhiều thực hành kế toán khác nhau trên thị trường. Bên cạnh đó, những người lập BCTC phải đối mặt với các thách thức khi phải xét đoán, lựa chọn các chính sách, phương pháp kế toán phù hợp với đơn vị mình. Hơn nữa, đây là một lĩnh vực có rất ít nghiên cứu và các góc nhìn thực tiễn về các vấn đề liên quan đến kế toán TMH chưa được khai thác một cách sâu rộng. Do đó, nghiên cứu này nhằm trả lời câu hỏi sau: “Thực tiễn trong kế toán đối với TMH hiện nay tại các công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến TMH và

giải pháp đề xuất liên quan đến việc hoàn thiện kế toán TMH là gì?”.

3. Kế toán tiền mã hóa theo quy định IFRS

Khuôn khổ lập và trình bày BCTC năm 2018 (CF 2018) định nghĩa tài sản là “nguồn lực kinh tế hiện tại được kiểm soát bởi doanh nghiệp và là kết quả của sự kiện trong quá khứ”. CF 2018 giải thích khả năng tạo ra lợi ích kinh tế của tài sản qua khái niệm “quyền”, tức là khả năng tạo ra lợi ích kinh tế không cần phải chắc chắn hay có xác suất cao, mà chỉ cần “quyền” này tồn tại đối với doanh nghiệp trong ít nhất một trường hợp cụ thể (CF 2018, đoạn 4.14). Ví dụ, các thợ đào Bitcoin nhận Bitcoin như phần thưởng khi giải quyết các bài toán mã hóa. Bitcoin có thể được trao đổi để lấy tiền mặt, hàng hóa hoặc dịch vụ. Do đó, vì Bitcoin được kiểm soát bởi thợ đào, nó được coi là một tài sản.

Từ năm 2015, nghiên cứu về tiền mã hóa đã trở thành một chủ đề quan trọng trong chương trình làm việc của Hội đồng CMKT Quốc tế (IASB). Trong quá trình tham vấn chương trình nghị sự, IASB quyết định tiếp tục theo dõi sự phát triển của vấn đề này. Tại cuộc họp của Hội đồng Quản trị IFRS vào tháng 7 năm 2018, IASB đã đồng ý ủy quyền cho Ủy ban diễn giải các Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRIC) xây dựng các hướng dẫn kế toán cho các giao dịch liên quan đến tiền mã hóa. Các hướng dẫn này được phát triển dưới dạng quyết định theo chương trình nghị sự, dựa trên các IFRS hiện có. Đến tháng 6 năm 2019, IFRIC đã công bố một quyết định trong khuôn khổ chương trình nghị sự về

“Nắm giữ tiền mã hóa” nhằm hướng dẫn các CMKT áp dụng cho tiền mã hóa. Quyết định này xem xét một tập hợp con của các tài sản mã hóa với các đặc điểm sau: “tiền kỹ thuật số hoặc tiền ảo được ghi trên sổ cái phân tán, có sử dụng mật mã để bảo mật; không được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bên khác; và không làm phát sinh hợp đồng giữa chủ sở hữu và một bên khác”.

IFRIC kết luận rằng IAS 2 - Hàng tồn kho áp dụng cho tiền mã hóa khi chúng được giữ để bán trong quá trình kinh doanh bình thường. Theo Đoạn 6 của IAS 2: “(a) hàng hóa được giữ để bán trong quá trình kinh doanh thông thường; (b) hàng hóa đang trong quá trình sản xuất để bán; hoặc (c) nguyên liệu hoặc vật liệu sẽ được tiêu thụ trong quá trình sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ”. Do đó, nếu một đơn vị giữ tiền mã hóa để bán trong hoạt động kinh doanh thông thường, tiền mã hóa nên được ghi nhận là hàng tồn kho theo IAS 2. IFRIC cũng cho rằng nếu một đơn vị chủ yếu mua và nắm giữ tiền mã hóa với mục đích bán chúng trong tương lai gần để kiếm lợi nhuận từ biến động giá hoặc biên lợi nhuận, đơn vị đó có thể được coi là một “nhà môi giới hàng hóa” của TMH. Theo đó, đơn vị này cần tuân thủ các yêu cầu trong Đoạn 39 (b) của IAS 2, yêu cầu các nhà môi giới hàng hóa phải đo lường hàng tồn kho theo giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán.

Nếu TMH không thỏa mãn định nghĩa hàng tồn kho, đơn vị có thể áp dụng IAS 38 - Tài sản vô hình. Theo IAS 38, Đoạn 8, tài sản vô hình là “một tài sản có thể xác định được, không phải là tiền tệ và không có hình thức

vật lý.” Đoạn 12 của IAS 38 định nghĩa tài sản là có thể xác định được nếu nó “có thể được tách ra hoặc phát sinh từ các quyền hợp đồng hoặc các quyền pháp lý khác” và tài sản có thể tách rời nếu “có thể được tách ra khỏi đơn vị và được bán, chuyển nhượng, cấp phép, cho thuê hoặc trao đổi”. Thêm vào đó, một đặc điểm quan trọng của khoản mục không phải tiền tệ là “không có quyền nhận (hoặc nghĩa vụ giao) một số lượng đơn vị tiền tệ cố định hoặc có thể xác định được” (IAS 21, Đoạn 16). Do đó, IFRIC kết luận rằng TMH là tài sản vô hình vì chúng có thể xác định được và không phải là tiền tệ. Chúng không có hình thức vật lý vì tồn tại dưới dạng kỹ thuật số và vì vậy, chúng đáp ứng định nghĩa về tài sản vô hình.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nhận thức luận giải thích, theo quan điểm của Bryman và Bell (2011), trong đó cách tiếp cận quy nạp được sử dụng để khám phá hiện tượng và xây dựng lý thuyết từ dữ liệu thu thập được. Cụ thể, cách tiếp cận quy nạp bắt đầu từ việc thu thập dữ liệu để hiểu rõ hiện tượng trước khi phát triển lý thuyết, thay vì phát triển lý thuyết trước và kiểm chứng sau như trong cách tiếp cận suy diễn. Phương pháp này phù hợp với mục tiêu của nghiên cứu, đó là làm rõ thực trạng kế toán TMH tại các công ty và từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

Mục tiêu chính của nghiên cứu là tìm hiểu thực tiễn kế toán TMH và đề xuất giải pháp liên quan đến việc hoàn thiện kế toán trong lĩnh vực này. Do sự hạn chế trong việc tiếp

cận dữ liệu từ các BCTC của các đơn vị kinh doanh TMH và sự thiếu hụt chuyên gia am hiểu về kế toán TMH, phương pháp định tính được lựa chọn là phương pháp nghiên cứu phù hợp nhất. Phương pháp định lượng gặp khó khăn trong việc thu thập dữ liệu và sự biến động của TMH trong các BCTC, do đó, phương pháp định tính là lựa chọn khả thi hơn. Phương pháp định tính tập trung vào việc đánh giá chủ quan về thái độ, quan điểm và hành vi, đặc biệt là quá trình xây dựng lý thuyết từ góc nhìn cá nhân (Bryman & Bell, 2011). Phương pháp này có tính chất giải thích, nhấn mạnh ý nghĩa xã hội và bối cảnh cụ thể của hiện tượng. Mặc dù dữ liệu định tính thường không có khả năng tổng quát hóa cao, nhưng lại có độ tin cậy cao trong bối cảnh cụ thể mà nó nghiên cứu.

Vì kế toán TMH là một lĩnh vực mới chưa được nghiên cứu rộng rãi, nghiên cứu khám phá được coi là phương pháp phù hợp nhất. Nghiên cứu khám phá thường sử dụng cách tiếp cận quy nạp, đặc biệt là khi chủ đề còn mới và dữ liệu có sẵn còn hạn chế. Nghiên cứu này sử dụng cả dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Phương pháp nghiên cứu bao gồm việc nghiên cứu tài liệu và phân tích BCTC của các doanh nghiệp thực hiện giao dịch và hoạt động liên quan đến TMH. Tác giả chọn phương pháp chọn mẫu thuận tiện, dựa trên khả năng tiếp cận thông tin tại 21 công ty niêm yết trên toàn cầu. Các BCTC được phân tích để xác định phương pháp ghi nhận các hoạt động liên quan đến TMH. Dữ liệu sơ cấp được thu thập qua phỏng vấn với một số chuyên gia có kiến thức về TMH, nhằm cung

cấp cái nhìn sâu sắc hơn về thực tiễn kế toán trong lĩnh vực này. Các cuộc phỏng vấn sử dụng các câu hỏi mở để làm rõ hơn các thách thức và thực tiễn hiện tại liên quan đến kế toán TMH, từ đó cung cấp các thông tin giá trị cho việc hoàn thiện kế toán TMH.

5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

5.1. Kết quả nghiên cứu

Hiện tại, IFRS chưa đưa ra yêu cầu cụ thể nào về công bố thông tin đối với TMH. Do thiếu một chuẩn mực IFRS cụ thể dành riêng cho TMH, các đơn vị kế toán tham gia vào hoạt động liên quan đến TMH hiện nay thường phải dựa vào các hướng dẫn từ IFRIC. Từ đó, các đơn vị đưa ra các xét đoán chuyên môn để xác định phương pháp kế toán phù hợp với đơn vị mình cho các giao dịch liên quan đến TMH. Trong bối cảnh này, nghiên cứu tập trung vào việc khảo sát phương pháp kế toán được áp dụng cho TMH tại 21 công ty niêm yết trên toàn cầu hiện đang nắm giữ và tham gia vào hoạt động khai thác, đầu tư, kinh doanh TMH. Bảng 1 sau đây cung cấp danh sách một số công ty niêm yết có hoạt động kinh doanh TMH, bài viết lấy điển hình là Bitcoin.

Tại các công ty này, hoạt động kinh doanh liên quan đến TMH rất đa dạng, bao gồm: mua và đầu tư vào TMH; khai thác và đào TMH; sử dụng TMH làm phương tiện thanh toán; giao dịch tài sản TMH trên thị trường thứ cấp; cung cấp thanh khoản trong các nhóm thanh khoản; cùng với nhiều hoạt động khác. Tuy nhiên, trong phạm vi của bài viết này, tác giả chỉ tập trung vào nghiên cứu hai hoạt động chính liên quan đến TMH, đó là

Bảng 1: Danh sách một số công ty niêm yết có hoạt động kinh doanh tiền mã hóa

STT	Tên công ty	Mã	Lĩnh vực kinh doanh chính liên quan đến tiền mã hóa	Vốn hóa thị trường	Bitcoin
1	Riot Platforms, Inc.	RIOT	Khai thác	\$2,443.37M	B 9,334
1	Microstrategy, Inc.	MSTR	Đầu tư	\$26,301.35M	B 226,500
2	Marathon Digital Holdings	MARA	Khai thác	\$4,841.17M	B 25,000
3	Tesla, Inc	TSLA	Đầu tư	\$711,510.20M	B 9,720
4	Coinbase Global, Inc.	COIN	Đầu tư	\$50,803.81M	B 9,480
5	Hut 8 Mining Corp	HUT	Khai thác	\$1,112.99M	B 9,109
6	Block, Inc.	SQ	Khai thác	\$41,174.34M	B 8,038
8	Galaxy Digital Holdings Ltd	GLXY	Đầu tư	\$3,874.01M	B 4,000
9	Bitcoin Group SE	ADE	Đầu tư	\$296.07M	B 3,589
10	HIVE Digital Technologies	HIVE	Khai thác	\$364.41M	B 2,496
11	NEXON Co., Ltd.	3659	Đầu tư	\$17,302.06M	B 1,717
12	Meitu, Inc.	1357	Đầu tư	\$1,304.52M	B 940.9
13	BIGG Digital Assets Inc.	BIGG	Đầu tư	\$35.23M	B 575
14	Cipher Mining	CIFR	Khai thác	\$1,312.47M	B 2,209
15	DigitalX	DCC	Đầu tư	\$27.98M	B 431.7
16	CleanSpark, Inc.	CLSK	Khai thác	\$2,979.91M	B 6,591
17	The Brooker Group	BROOK	Đầu tư	\$162.28M	B 122.3
18	Update JP Metaplanet Inc.	3350	Đầu tư	\$147.88M	B 303.1
19	TR Net Holding A.S.	NTHOL	Đầu tư	\$500.13M	B 352
20	CA Cypherpunk Holdings Inc.	HODL	Đầu tư	\$17.22M	B 216.8
21	CA Banxa Holdings Inc.	BNXAF	Đầu tư	\$10.02M	B 136

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ trang <https://bitcointreasuries.net> truy cập ngày 05/8/2024)

khai thác TMH và sử dụng TMH như một phương tiện thanh toán.

5.1.1. Hoạt động khai thác tiền mã hóa

Qua khảo sát tại một số công ty có hoạt động khai thác TMH cho thấy, một số công ty ghi nhận TMH khai thác được là hàng tồn kho, số khác ghi nhận là tài sản vô hình cụ thể như sau:

Galaxy Digital Holdings LP, DigitalX Ltd là hai công ty chuyên khai thác và kinh doanh TMH. Tại hai công ty này đều ghi nhận TMH khai thác được là hàng tồn kho. Trong thuyết minh BCTC của mình, Galaxy đã đánh giá hoạt động như một nhà môi giới hàng hóa theo quy định tại IAS 02 - Hàng tồn kho.

Công ty chủ yếu khai thác, mua TMH để bán với mục đích thương mại. Trong báo cáo tình hình tài chính, TMH mà Galaxy nhận được từ hoạt động khai thác được ghi nhận là hàng tồn kho và được đặt ngay dưới chi tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền”. Công ty ghi nhận sự biến động của TMH theo giá trị hợp lý trừ chi phí bán vào lãi hoặc lỗ của đơn vị. Trong thuyết minh BCTC của DigitalX Ltd cũng chỉ rõ rằng “Tiền và các khoản tương đương tiền không bao gồm lượng bitcoin nắm giữ của đơn vị, bitcoin được phân loại là hàng tồn kho”. Đánh giá chuyên môn của công ty trong việc phân loại tài sản TMH là hàng tồn kho dựa trên những điều sau: “Bitcoin là một

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

hệ thống thanh toán trực tuyến dựa trên phần mềm nguồn mở, trong đó các khoản thanh toán được ghi vào sổ cái công khai sử dụng đơn vị tài khoản của nó được gọi là bitcoin”. Tập đoàn mua và bán bitcoin chủ yếu với mục đích bán trong tương lai gần và tạo ra lợi nhuận chủ yếu từ biến động giá. Tiền mã hóa nếu có bất kỳ thay đổi nào về giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán sẽ được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ trong khoảng thời gian thay đổi. Giá trị hợp lý của hàng tồn kho bitcoin được đo lường theo cấp 1 vì nó dựa trên giá thị trường được niêm yết tại các thị trường đang hoạt động cho các tài sản giống hệt nhau.

nhận TMH do công ty khai thác là tài sản vô hình trong mục tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo mục đích thương mại hoặc đầu tư. Riot ghi nhận giá trị ban đầu của TMH do công ty khai thác được theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, TMH được công ty ghi nhận theo mô hình giá gốc, TMH được theo dõi theo giá trị còn lại bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và trừ đi phần lỗ lũy kế do suy giảm giá trị tài sản nếu có (trong hầu hết các trường hợp, không có khoản hao mòn nào được ghi nhận cho tiền mã hóa). Trường hợp giá trị ghi sổ của TMH biến động cao hơn giá gốc, kế toán không ghi nhận. Trường hợp giá trị ghi sổ của

Bảng 2: Trích Báo cáo hợp nhất tình hình tài chính của Galaxy Digital Holding LP

Galaxy Digital Holdings LP

Consolidated Statements of Financial Position
(Expressed in thousands of US Dollars)

	Notes	December 31, 2023	December 31, 2022
Assets			
Current assets			
Cash and cash equivalents	\$	316,610	\$ 542,101
Digital assets	7	1,078,587	566,690
Receivable for digital asset trades	7	41,339	9,063
Digital asset loans receivable, net of allowance	8	104,504	49,971
Digital assets receivables	7	14,686	12,423
Assets posted as collateral	8, 9, 10	318,195	25,138
Receivables	12	15,983	10,887
Derivative assets	10	173,209	17,719
Prepaid expenses and other assets	13	37,910	32,818
Loans receivable, net of allowance	9	377,105	62,611
Due from related party	20	5,007	13,857
Total current assets		2,483,135	1,343,278

(Nguồn: Tác giả thu thập)

Khác với công ty Galaxy, qua khảo sát các công ty như Riot, Marathon, Hut 8 Mining and HIVE Blockchain Technologies đều ghi

TMH biến động thấp hơn giá gốc, kế toán ghi nhận vào lãi hoặc lỗ trong kỳ. Tuy nhiên, các công ty Marathon, Hut 8 Mining, HIVE

Blockchain Technologies mặc dù cũng ghi nhận TMH là tài sản vô hình ngắn hạn giống như công ty Riot. Nhưng khác với các công ty trên, các công ty này đều ghi nhận TMH sau ghi nhận ban đầu theo mô hình đánh giá lại. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu theo Giá trị hợp lý trừ đi giá trị khấu hao lũy kế và trừ đi suy giảm giá trị tài sản. Trường hợp giá trị ghi sổ biến động cao hơn giá gốc, kế toán ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện khác. Trường hợp giá trị ghi sổ biến động thấp hơn giá gốc, kế toán ghi vào lãi hoặc lỗ trong kỳ.

Galaxy Digital Holdings LP, DigitalX Ltd, Riot Blockchain, Hut 8 Mining và HIVE Blockchain Technologies đều báo cáo các dòng tiền từ việc chuyển đổi TMH thành tiền pháp định vào dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Các công ty như Marathon, CleanSpark, Sino-Global Shipping và Bit Digital ghi nhận TMH là tài sản vô hình và xử lý việc chuyển đổi TMH sang tiền pháp định vào dòng tiền từ hoạt động đầu tư. Mặc dù tại các công ty này, hoạt động khai thác, kinh doanh Bitcoin là hoạt động kinh doanh chủ yếu.

Bảng 3: Trích Báo cáo hợp nhất tình hình tài chính của Marathon Digital Holding

MARATHON DIGITAL HOLDINGS, INC. AND SUBSIDIARIES
CONDENSED CONSOLIDATED BALANCE SHEETS

	June 30, 2024	December 31, 2023
	(unaudited)	
(in thousands, except share and per share data)		
ASSETS		
Current assets:		
Cash and cash equivalents	\$ 256,027	\$ 357,313
Restricted cash	12,000	—
Digital assets	17,117	639,660
Accounts receivable, net	18,743	—
Deposits	26,185	7,240
Derivative instrument, current portion	13,710	—
Prepaid expenses and other current assets	28,164	25,590
Total current assets	371,946	1,029,803
Digital assets	1,158,615	—
Property and equipment, net	929,534	671,772
Advances to vendors	385,424	95,589
Investments	116,282	106,292
Long-term deposits	56,639	59,790
Long-term prepaids	21,153	27,284
Operating lease right-of-use assets	9,728	443
Derivative instrument, net of current portion	20,278	—
Goodwill	45,362	—
Intangible assets, net	2,194	—
Total long-term assets	2,745,209	961,170
TOTAL ASSETS	\$ 3,117,155	\$ 1,990,973

Bảng 4: Trích Báo cáo hợp nhất lưu chuyển tiền của Marathon Digital HoldingMARATHON DIGITAL HOLDINGS, INC. AND SUBSIDIARIES
CONSOLIDATED STATEMENTS OF CASH FLOWS

	Year Ended December 31,	
	2023	2022
<i>(in thousands)</i>		
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES		
Net income (loss)	\$ 261,173	\$ (694,022)
Adjustments to reconcile net income (loss) to net cash used in operating activities:		
Depreciation and amortization	179,513	78,709
Amortization of prepaid service contract	—	22,781
Gain on sale of equipment, net of disposals	—	(83,879)
Deferred tax expense (benefit)	15,286	(24,968)
(Gains) losses on digital assets held within investment fund	—	85,017
(Gains) losses on digital assets and digital assets loan receivable	(331,484)	14,460
Impairment of digital assets	—	182,891
Impairment of mining equipment and advances to vendors	—	332,933
Loss on hedge instruments	17,421	—
Stock-based compensation	32,644	24,595
Amortization of debt issuance costs	3,168	3,945
Equity in net earnings of unconsolidated affiliate	617	—
Impairment of patents	—	919
Impairment of deposits due to vendor bankruptcy filing	—	55,674
Gain on extinguishment of debt, net	(82,267)	—
Other adjustments from operations, net	484	1,030
Changes in operating assets and liabilities:		
Revenues from digital assets production	(385,959)	(117,747)
Deposits	(23,777)	(24,469)
Prepaid expenses and other assets	(1,881)	(48,887)
Accounts payable and accrued expenses	146	13,225
Legal reserve payable	—	1,171
Accrued interest	(735)	144
Net cash used in operating activities	(315,651)	(176,478)
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES		
Advances to vendors	(158,940)	(483,840)
Loan receivable	—	—
Purchase of property and equipment	(27,611)	(41,108)
Sale of property and equipment	—	178,371
Proceeds from sale of digital assets	264,945	—
Payments on hedge settlements	(2,004)	—
Purchase of digital assets in investment fund	—	—
Investment in joint venture	(71,795)	—
Purchase of equity investments	—	(44,000)
Deconsolidation of fund	—	(500)
Sale of digital assets in investment fund	—	—
Net cash provided by (used in) investing activities	4,595	780
		(891,136)

(Nguồn: Tác giả thu thập)

Nhìn chung, BCTC của các công ty khai thác TMH có sự khác biệt trong việc ghi nhận và đo lường nên tạo ra những bức tranh rất khác nhau về tài sản và khả năng tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh TMH. Hiện tại, hướng dẫn của IFRS không cụ thể và không làm rõ việc phân loại dòng tiền, để lại nhiều không gian cho các công ty trong việc đưa ra các xét đoán khi áp dụng các chuẩn mực hiện có và lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp.

5.1.2. Tiền, phương tiện thanh toán

IFRS hiện không đưa ra định nghĩa cụ thể cho các thuật ngữ “tiền mặt” hoặc “tiền tệ”, vì vậy việc xác định liệu tiền mã hóa có thể được coi là tiền mặt hay không cần phải dựa vào các xét đoán. IFRIC đã đánh giá và kết luận rằng tiền mã hóa không thể được phân loại là tiền mặt. Theo PwC (2021) “Tiền mã hóa không có một số thuộc tính chung của tiền mặt và tiền tệ như: “tiền mã hóa không phải là tiền pháp định; hầu hết không được phát hành hoặc hỗ trợ bởi bất kỳ chính phủ nào và tiền mã hóa hiện không có khả năng xác định giá cho hàng hóa và dịch vụ một cách trực tiếp”.

Tuy nhiên, quan điểm này đã bị thách thức bởi những sự kiện gần đây. Năm 2021, El Salvador và năm 2022, Cộng hòa Trung Phi đã công nhận Bitcoin là tiền pháp định, trở thành những quốc gia đầu tiên chấp nhận Bitcoin như một loại tiền tệ hợp pháp. Các quốc gia khác như Hoa Kỳ, Canada, Israel, Australia và các nước trong Liên minh Châu Âu đang xem xét và nghiên cứu việc hợp pháp hóa TMH. Nhiều đơn vị lớn từ các sàn thương mại trực tuyến, nhà hàng, khách sạn, đến các công ty nổi tiếng như Newegg, Starbucks,

Microsoft, Tesla, PayPal, Whole Foods, AT&T và Overstock đã chấp nhận Bitcoin như một phương thức thanh toán. Sự chấp nhận này đánh dấu sự công nhận rộng rãi của Bitcoin trong các giao dịch thương mại.

Cụ thể, Newegg, một công ty thương mại điện tử lớn tại Hoa Kỳ được thành lập năm 2001, đã bắt đầu chấp nhận TMH từ năm 2014. Newegg cho phép khách hàng thanh toán bằng Bitcoin và các loại TMH khác như Bitcoin Cash trên nền tảng của mình. Quá trình thanh toán được thực hiện qua BitPay, một dịch vụ thanh toán bên thứ ba, giúp chuyển đổi và thanh toán giao dịch từ TMH sang đô la Mỹ theo thời gian thực, đảm bảo sự ổn định về giá trị trong các giao dịch.

Microsoft bắt đầu chấp nhận Bitcoin như một phương thức thanh toán từ năm 2014, chủ yếu cho các sản phẩm kỹ thuật số. Tuy nhiên, do sự biến động của thị trường TMH và các lo ngại về rủi ro tài chính, Microsoft đã tạm ngừng và sau đó khôi phục việc chấp nhận Bitcoin nhiều lần. Hiện tại, Microsoft cho phép người dùng nạp Bitcoin vào tài khoản Microsoft để mua các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật số. Tương tự, Coinbase là một trong những công ty có giao dịch TMH lớn nhất thế giới, cung cấp các dịch vụ mua bán và lưu trữ TMH như Bitcoin, Ethereum, và nhiều loại TMH khác. Công ty cũng cung cấp các dịch vụ tài chính liên quan đến TMH cho các khách hàng. Coinbase chấp nhận Bitcoin làm phương thức thanh toán cho các dịch vụ của mình. Người dùng có thể sử dụng Bitcoin để nạp tiền vào tài khoản Coinbase nhằm mua các loại TMH khác hoặc sử dụng các dịch vụ của công ty. TMH được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau khi ghi nhận ban

Bảng 5: Trích Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2023 về chính sách thanh toán của Newegg

Payment

We provide our customers with the flexibility to choose from a number of traditional online payment options, along with certain alternative payment solutions that are popular with our predominantly technology-enthusiast customers.

- B2C payment options. We offer various mainstream online payment options to customers on our B2C platform, including credit cards, debit cards and prepaid gift cards. We offer customers the opportunity to pay for items purchased on our platforms with the Newegg Store Credit Card, a private-label credit card that Newegg launched in partnership with Synchrony Financial, a U.S. consumer financial services company. Newegg Store Credit Card has a revolving credit line and offers numerous attractive financing options, which we believe improves customer loyalty and purchase frequency and results in increased sales. We also allow customers to use **Bitcoin**, Bitcoin cash, and other cryptocurrencies to pay for purchases made on our platforms through our third-party payment service provider, BitPay, who converts and settles all transactions to U.S. dollars in real time. In late 2020, we started offering “Pay in 4” payment option that allows customers to pay in four interest-free installments within a six-week timeframe. This payment option is offered through Zip. We also allow our customers to pay at their own pace for up to a period of 24 months through Affirm.

(Nguồn: Tác giả thu thập)

đầu, bitcoin được ghi nhận theo mô hình giá gốc, trường hợp giá trị ghi sổ của tài sản mã hóa biến động cao hơn giá gốc, kế toán không ghi nhận. Trường hợp giá trị ghi sổ của TMH biến động thấp hơn giá gốc, kế toán ghi nhận vào lãi hoặc lỗ trong kỳ. Công ty ghi nhận TMH là một tài sản vô hình có thời hạn sử dụng không xác định và đặt ở mục tài sản dài hạn, mặc dù một trong những mục đích của việc nắm giữ này là để thay thế tiền mặt.

Coinbase coi các giao dịch liên quan đến việc mua và bán TMH, cũng như các khoản thanh toán và phí giao dịch từ khách hàng, là một phần của hoạt động kinh doanh chính của mình. Do đó, dòng tiền thu được từ việc bán TMH (chủ yếu là Bitcoin) và các khoản phí giao dịch sẽ được ghi nhận dưới dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Trong một số trường hợp, nếu Coinbase thực hiện các giao dịch mua bán tài sản TMH như một phần của các hoạt động đầu tư của công ty (như việc đầu tư vào các tài sản TMH không phải là phần của hoạt động kinh doanh chính), thì các giao

dịch này được phân loại là dòng tiền từ hoạt động đầu tư.

5.2. Thảo luận

Hiện tại không có chuẩn mực IFRS nào quy định và hướng dẫn về kế toán cho TMH, do vậy, qua khảo sát thực tế tại các công ty đã cho thấy có sự khác nhau trong kế toán TMH. Mặc dù, IFRIC đã ban hành hướng dẫn vào tháng 3 năm 2019 về các CMKT có thể áp dụng cho TMH. Tuy nhiên, đây chỉ là sự diễn giải nên không bắt buộc phải tuân theo các khuyến nghị đã đưa ra. Trong thực tế, các công ty thường phải tự đưa ra các xét đoán và xác định phương pháp kế toán phù hợp với loại tài sản này. Từ nghiên cứu thực trạng của một số công ty trên toàn cầu, nhận thấy có sự không nhất quán về đo lường, ghi nhận và trình bày tài sản mã hóa như sau:

(1) Không nhất quán trong việc đo lường và ghi nhận TMH: Qua khảo sát, các công ty thường ghi nhận TMH như hàng tồn kho hoặc tài sản vô hình. Đối với các công ty ghi nhận TMH như tài sản vô hình có hai trường hợp:

Bảng 6: Trích báo cáo hợp nhất tình hình tài chính của Coinbase

Coinbase Global, Inc.
Consolidated Balance Sheets
(In thousands, except par value data)

	December 31, 2023	December 31, 2022
Assets		
Current assets:		
Cash and cash equivalents	\$ 5,139,351	\$ 4,425,021
Restricted cash	22,992	25,873
Customer custodial funds	4,570,845	5,041,119
Safeguarding customer crypto assets	192,583,060	75,413,188
USDC	576,028	861,149
Accounts and loans receivable, net of allowance	361,715	404,376
Income tax receivable	63,726	60,441
Prepaid expenses and other current assets	148,814	217,048
Total current assets	203,466,531	86,448,215
Crypto assets held	449,925	424,393
Deferred tax assets	1,272,233	1,046,791
Lease right-of-use assets	12,737	69,357
Property and equipment, net	192,550	171,853
Goodwill	1,139,670	1,073,906
Intangible assets, net	86,422	135,429
Other non-current assets	362,885	354,929
Total assets	\$ 206,982,953	\$ 89,724,873

(Nguồn: Tác giả thu thập)

ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo mô hình giá gốc và ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo mô hình đánh giá lại. Tiền mã hóa là một loại tài sản có đặc tính riêng biệt, giá trị của TMH thường biến động mạnh, với những thay đổi lớn trong giá trị có thể xảy ra trong khoảng thời gian ngắn. Do vậy việc xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu đối với TMH theo mô hình đánh giá lại sẽ giúp cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người sử dụng BCTC của đơn vị. Mặt khác qua khảo sát một số công ty còn ghi nhận TMH là một tài sản vô hình có thời hạn sử dụng không xác định, mặc dù một

trong những mục đích của việc năm giữ này là để thay thế tiền mặt (công ty Coinbase) và một số công ty kinh doanh TMH lại không ghi nhận TMH là hàng tồn kho mà ghi nhận là tài sản vô hình.

(2) Không nhất quán trong việc phân loại dòng tiền từ các hoạt động kinh doanh TMH: Qua khảo sát cho thấy, đối với một số công ty, mặc dù hoạt động khai thác, kinh doanh TMH là những hoạt động chính của đơn vị, nhưng dòng tiền liên quan đến hoạt động kinh doanh TMH lại trình bày là dòng tiền từ hoạt động đầu tư như Marathon, CleanSpark, Sino-

Bảng 7: Trích thuyết minh báo cáo tài chính của Coinbase về chỉ tiêu tiền mã hóa do công ty nắm giữ

Crypto assets held

Crypto assets held consisted of the following (in thousands):

	December 31, 2023	December 31, 2022
Recorded at impaired cost		
Crypto assets held as investments	\$ 330,610	\$ 155,251
Crypto assets held for operating purposes	74,103	67,577
Total crypto assets held recorded at impaired cost	404,713	222,828
Recorded at fair value⁽¹⁾		
Crypto assets held as investments	—	133,416
Crypto assets borrowed	45,212	68,149
Total crypto assets held recorded at fair value	45,212	201,565
Total crypto assets held	\$ 449,925	\$ 424,393

(1) Recorded at fair value as these crypto assets are held as the hedged item in qualifying fair value hedges.

Crypto asset impairment, net comprised the following (in thousands):

(Nguồn: Tác giả thu thập)

Global Shipping và Bit Digital. Việc phân loại dòng tiền từ chuyển đổi TMH thành tiền pháp định là dòng tiền đầu tư sẽ làm lệch hướng đánh giá của nhà đầu tư về khả năng tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh chính của công ty, vì thực tế TMH được nhận từ các hoạt động tạo ra doanh thu chính của công ty.

6. Khuyến nghị về kế toán cho tiền mã hóa

Trong bối cảnh các hoạt động kinh doanh liên quan đến TMH ngày càng gia tăng và vai trò quan trọng của chúng trong hệ thống tài chính và kinh tế, việc phát triển một quy định kế toán thống nhất cho TMH trở nên cấp thiết. Hiện nay IASB chưa xây dựng CMKT cho TMH. Hướng dẫn từ IFRIC kết luận IAS 2 - Hàng tồn kho và IAS 38 - Tài sản vô hình có thể được áp dụng cho kế toán TMH. Tuy nhiên, do IAS 2 và IAS 38 đã được ban hành

từ hơn 20 năm trước, những đặc điểm riêng biệt của tài sản mã hóa cũng không được đề cập trong các bản sửa đổi sau này, cho nên, có thể nói các quy định hiện hành này chưa thực sự phù hợp với kế toán TMH.

Hiện nay, các công ty có hoạt động liên quan đến TMH phải dựa vào các diễn giải của IFRIC, dẫn đến sự không đồng nhất trong xử lý kế toán giữa các công ty, gây nguy cơ hiểu sai về hiệu quả hoạt động từ các khía cạnh tài sản, thu nhập và dòng tiền của người sử dụng thông tin kế toán. Sự thiếu hụt một IFRS cụ thể đã tạo ra những thách thức trong việc trình bày thông tin tài chính một cách trung thực và hợp lý, ví dụ như trường hợp của DigitalX và Hut 8 Mining, hai công ty cùng hoạt động trong lĩnh vực khai thác TMH nhưng lại ghi nhận TMH theo hai cách khác nhau: là hàng tồn kho và tài sản vô hình. Hơn nữa, mức độ

chủ quan cao và sự xét đoán chuyên môn trong kế toán cho TMH có thể dẫn đến động lực thao túng lợi nhuận. Thêm vào đó, tính biến động của TMH cũng ảnh hưởng đến mức độ rủi ro, không chỉ đối với các đơn vị báo cáo mà còn đối với các bên liên quan. Do vậy, sự thiếu hụt hướng dẫn chính thức trong kế toán cho TMH gây ra rủi ro không chỉ cho các đơn vị báo cáo, người sử dụng thông tin mà còn cho thị trường tài chính nói chung. Kết luận từ nghiên cứu này chỉ ra rằng có nhiều vấn đề liên quan đến kế toán cho TMH, bao gồm đo lường, ghi nhận và công bố thông tin. Bài viết đưa ra một số khuyến nghị để giải quyết vấn đề này:

Thứ nhất, sửa đổi hoặc làm rõ các IFRS hiện hành

Việc sửa đổi hoặc làm rõ các IFRS hiện hành là một trong những tùy chọn mà các cơ quan soạn thảo chuẩn mực có thể cân nhắc để cải thiện các hướng dẫn kế toán về TMH. Điều này đòi hỏi phải thực hiện một số sửa đổi cụ thể và cung cấp các hướng dẫn chi tiết hơn để đảm bảo tính nhất quán và minh bạch trong việc áp dụng các CMKT hiện có. Trong bối cảnh hiện chưa có IFRS cụ thể về hướng dẫn kế toán cho các hoạt động liên quan đến TMH, một giải pháp trong ngắn hạn là cập nhật, bổ sung và làm rõ các quy định trong các IFRS hiện hành về tài sản mã hóa/TMH. Điều này bao gồm việc cung cấp hướng dẫn cụ thể hơn về các giao dịch liên quan đến TMH như mua/đầu tư, khai thác, sử dụng làm phương tiện thanh toán, giao dịch tài sản TMH trên thị trường thứ cấp, và đầu tư vào các dự án blockchain giai đoạn đầu. Những điều chỉnh này sẽ giúp các công ty có các hoạt động liên quan đến TMH thực hiện kế toán

một cách nhất quán hơn, từ đó cung cấp thông tin kế toán tài chính trung thực và hợp lý hơn cho người sử dụng. Tuy nhiên giải pháp này chỉ là giải pháp trong ngắn hạn về dài hạn việc nghiên cứu và xây dựng một CMKT cho tài sản mã hóa là vấn đề cấp bách nhằm đảm bảo thông tin tài chính hữu ích được cung cấp cho người sử dụng.

Thứ hai, xây dựng một IFRS dành riêng cho tài sản mã hóa/tiền mã hóa

Khi tài sản mã hóa ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong cơ cấu tài sản của nhiều doanh nghiệp toàn cầu, IASB cần nhanh chóng xúc tiến dự án này. Đây là một đối tượng kế toán đặc biệt trong nền kinh tế số hiện nay. Các quy định hiện hành của IFRS còn nhiều hạn chế, do đó các công ty phải tự xét đoán trong việc ghi nhận và xử lý kế toán tài sản mã hóa tại đơn vị mình. Sự ra đời của một chuẩn mực IFRS cụ thể sẽ tăng cường tính nhất quán và độ tin cậy trong BCTC, đồng thời cung cấp thông tin hữu ích người sử dụng thông tin kế toán tài chính. Một IFRS mới quy định về tài sản mã hóa sẽ đảm bảo các công ty tuân thủ các nguyên tắc kế toán thống nhất, chính xác, từ đó bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.

Trong nội dung IFRS về tài sản mã hóa, bài viết đề xuất ghi nhận tài sản mã hóa nói chung hay TMH nói riêng là một loại tài sản mới. Tùy theo mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty đối với TMH mà ghi nhận TMH phù hợp. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết về khai thác kinh doanh TMH và sử dụng TMH như phương tiện thanh toán. Tại các công ty này, tài sản TMH nên được đặt riêng và gắn với vị trí của “tiền và các khoản tương đương tiền” trên

Báo cáo tình hình tài chính để phản ánh tính chất thanh khoản của chúng. Xác định giá trị TMH tại thời điểm ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Chi phí khai thác, giao dịch được bao gồm trong giá trị ghi nhận ban đầu. Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo mô hình giá trị hợp lý. Lợi nhuận hay lỗ phát sinh từ thay đổi giá trị hợp lý của TMH sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ mà chúng phát sinh. Đối với các công ty khai thác, kinh doanh TMH hoặc chấp nhận TMH làm phương tiện thanh toán trong các hoạt động tạo ra doanh thu, công ty nên phân loại dòng tiền từ việc kinh doanh TMH là dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

7. Kết luận

Trong khoảng thời gian ngắn, TMH đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong cách thức thực hiện giao dịch, quản lý tài chính và tham gia vào nền kinh tế toàn cầu. Tiền mã hóa không chỉ đóng vai trò then chốt trong việc hình thành nền kinh tế số mà còn mở ra các cơ hội mới cho tài chính phi tập trung, đồng thời gia tăng tính minh bạch và hiệu quả trong các giao dịch và thanh toán. Để đối phó với những thách thức mới và bảo đảm tính minh bạch, đáng tin cậy, cũng như chính xác trong quản lý tài chính trong bối cảnh TMH, việc phát triển và áp dụng một phương pháp kế toán thống nhất là điều thiết yếu. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức trong ngành để xây dựng các CMKT cụ thể và phù hợp, nhằm đảm bảo sự đồng nhất và minh bạch trong việc xử lý và báo cáo tài sản mã hóa. Nghiên cứu trong tương lai có thể tập trung vào việc nghiên cứu các hoạt động kinh

doanh liên quan đến TMH khác như giao dịch tài sản TMH trên thị trường thứ cấp và đầu tư vào ICO hoặc các dự án blockchain giai đoạn đầu; Cung cấp thanh khoản trong nhóm thanh khoản; và các hoạt động khác. Một hướng nghiên cứu khác là khám phá mối liên hệ giữa thuế và kế toán TMH để cung cấp một cái nhìn sâu hơn về kế toán TMH.

Tài liệu tham khảo:

- Aiazbekov, A. (2023). Cryptocurrency as a method of payment in the tourism sector. *Financial Internet Quarterly*, 19(1), 57-65.
- Anh, T., & Ngo, H. (2020). Ứng dụng của tiền mã hóa trong nền kinh tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 221.
- Bryman, A., & Bell, E. (2011). *Business Research Methods 3e*. OUP Oxford. <https://books.google.com.vn/books?id=YnCcAQAAQBAJ>.
- Chainalysis. (2024). *The Chainalysis 2024 Crypto Crime Report*. <https://go.chainalysis.com/crypto-crime-2024.html>.
- Corbet, S., Lucey, B., Urquhart, A., & Yarovaya, L. (2019). Cryptocurrencies as a financial asset: A systematic analysis. *International Review of Financial Analysis*, 62, 182-199.
- Frediani, M. E. A. (2024). Crafting the Future of Finance: A Comparative Analysis of Cryptocurrency Regulation in the Global Economy. *Journal of Financial Risk Management*, 13(1), 193-206.
- Giudici, G., Milne, A., & Vinogradov, D. (2020). Cryptocurrencies: market analysis and perspectives. *Journal of Industrial and Business Economics*, 47, 1-18.

Huang, R. H., Deng, H., & Chan, A. F. L. (2023). The legal nature of cryptocurrency as property: Accounting and taxation implications. *Computer Law & Security Review*, 51, 105860.

IAS 2 - Inventories. IFRS. <https://www.ias-plus.com/en/standards/ias/ias2>.

IAS 21 - The Effects of Changes in Foreign Exchange Rates. IFRS. <https://www.iasplus.com/en/standards/ias/ias21>.

IAS 38 - Intangible Assets. <https://www.ias-plus.com/en/standards/ias/ias38>.

IFRS. 2019. "Holdings of cryptocurrencies". Interpretation Committee. <https://www.ifrs.org/content/dam/ifrs/supporting-implementation/agenda-decisions/2019/holdings-of-cryptocurrencies-june-2019.pdf>.

IFRS. 2018. Conceptual Framework for Financial Reporting. <https://www.ifrs.org/content/dam/ifrs/publications/pdf-standards/english/2021/issued/part-a/conceptual-framework-for-financial-reporting.pdf>.

Jackson, A. B., & Luu, S. (2023). Accounting for digital assets. *Australian Accounting Review*, 33(3), 302-312.

Pelucio-Grecco, M. C., Santos Neto, J. P. d., & Constancio, D. (2020). Accounting for bitcoins in light of IFRS and tax aspects. *Revista Contabilidade & Finanças*, 31, 275-283.

Phuong, N. L. L. (2020). Xây dựng khung pháp lý quản lý giao dịch tiền ảo-quá nghiên cứu pháp luật nhật bản và một số gợi mở cho việt nam. *Tạp chí pháp luật và thực tiễn*, 45.

Procházka, D. (2018). Accounting for bitcoin and other cryptocurrencies under IFRS: A comparison and assessment of competing models. *The International Journal of Digital Accounting Research*, 18(24), 161-188.

PwC. (2021). "Crypto asset guide". https://viewpoint.pwc.com/dt/us/en/pwc/accounting_guides/cryptoassets-guide/cryptoassets_guide/ca_pdf.html.

Raiborn, C., & Sivitanides, M. (2015). Accounting issues related to Bitcoins. *Journal of Corporate Accounting & Finance*, 26(2), 25-34.

Rejeb, A., Rejeb, K., & Keogh, J. G. (2021). Cryptocurrencies in modern finance: a literature review. *Etikonomi*, 20(1), 93-118.

Trí, N. M. (2022). Nghiên cứu thực nghiệm về ý định chấp nhận tiền mã hóa của thế hệ Z. *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ* 18.

Summary

The rapid growth of cryptocurrencies over the past decade has led many businesses to adopt these assets not only for investment but also as a payment method. This paper analyzes and compares accounting regulations and the presentation of financial information related to cryptocurrencies across 21 accounting entities globally. It also discusses current accounting standards and the application of International Financial Reporting Standards (IFRS) for the recognition, measurement, and disclosure of cryptocurrency activities. Focusing on cryptocurrency mining and its use as a payment method, the study reveals discrepancies in asset recognition, measurement, and disclosure, which may lead to less useful financial information. The paper concludes that specific accounting guidelines for cryptocurrencies are needed to enhance financial information usefulness and mitigate market risks, given the lack of precise accounting standards for cryptocurrencies.